TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 414/2023/DS-PT Ngày: 03-8-2023 V/v tranh chấp: "Đòi di sản thừa kế và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Em

Ông Nguyễn Thanh Triều

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 7 và ngày 03 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "Đòi di sản thừa kế và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 609/2023/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Anh Phạm Hoài H, sinh năm 1984 (Có mặt).

2. Anh Phạm Trường G, sinh năm 1987 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Cao Thiên L1, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: H Ấp B, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Ông Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông Lê Văn M, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Văn phòng C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Hoàng K (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn B;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Phạm Hoài H, Phạm Trường G trình bày:

Cha các anh tên Phạm Văn L, sinh năm 1965, mẹ tên Nguyễn Thị M1, sinh năm 1964 (chết 2018). Ông bà ngoại chết trước mẹ. Cha mẹ có hai con ruột là các anh, không có cha, mẹ nuôi và con nuôi. Cha mẹ cưới nhau năm 1983, đến nay không có đăng ký kết hôn, chung sống hạnh phúc đến năm 2006, do không hợp tính tình nên hai người sống ly thân, cũng trong thời gian này cậu tên E có cho gia đình các anh phần đất do mẹ đại diện hộ gia đình đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số thửa 56, tờ bản đồ 8, diện tích 835,2m^2, tọa lạc tại ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, gia đình cùng nhau phụ tiền làm nhà và sinh sống cùng với mẹ trên đất.

Năm 2008 mẹ có qua lại tình cảm với ông Nguyễn Văn B và chung sống với nhau trong căn nhà trên đất, ông B không có công sức đóng góp vào việc hình thành, gìn giữ, bồi thố phần đất và căn nhà vì khi qua lại với mẹ các anh ông B vẫn có gia đình vợ con riêng ở cùng ấp. Năm 2018 mẹ chết không để lại di chúc, ông B tự ý làm giả giấy đăng ký kết hôn với mẹ, tự ý khai nhận di sản thừa kế, sang tên chuyển quyền thửa đất nói trên cho ông B và quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất. Khi các anh phát hiện sự việc, có yêu cầu ông B trả lại thửa đất, căn nhà, cùng toàn bộ tài sản trên thửa đất cho hàng thừa kế hợp pháp là các anh và cha là ông Phạm Văn L nhưng ông B không đồng ý nên phát sinh tranh chấp đến nay. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Xác định phần đất thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 835,2 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H04177 ngày 24/4/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M1 đã điều chỉnh trang 4 để thừa kế cho ông Nguyễn Văn B theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 06/06/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và toàn bộ tài sản trên đất theo biên bản định giá tài sản ngày 16/3/2022 là di sản của bà M1 để lại. Hàng thừa

kế của bà M1 gồm có 02 con là Phạm Hoài H, Phạm Trường G và chồng là ông Phạm Văn L.

2. Yêu cầu hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã ký công chứng số 03956, quyển số 03/2020 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 01/09/2020 do vô hiệu.

3. Yêu cầu ông B giao trả lại cho hàng thừa kế bà M1 thửa đất số 56 nói trên theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 06/06/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và toàn bộ tài sản trên đất tranh chấp theo biên bản định giá tài sản ngày 16/3/2022. Bao gồm: 01 cây Dừa loại A và 04 cây loại B2; 02 cây Mít loại B2 và 02 cây loại C; 01 cây Bưởi loại D; 03 cây Bình bát, loại D; 05 bụi Chuối loại 2; 01 cây Tắc loại B2; 12 cây kiểng có đường kính từ 10cm-20cm; 08 cây có đường kính từ 02cm-5cm; 01 căn Nhà trước: Kết cấu: Mái tôn, cột BTCT, kèo gỗ, một phần có đóng trần, tường gạch xây tô một phần có ốp gạch ceramic 300x450, nền gạch một phần ceramic 600x600, một phần gạch 400x400, không có khu phụ, Diện tích: 29,9m^2; 01 căn Nhà sau: Kết cấu: Mái tôn, kèo gỗ, tường gạch xây không tô, nền gạch ceramic 400x400, không khu phụ, Diện tích: 26,46m^2; 01 Mái che: Kết cấu: Mái tole, cột thép kèo gỗ và thép, cột BTCT + thép, nền xi măng, Diện tích 87,9m^2; 01 Nhà vệ sinh: Kết cấu: Không mái, tường gạch ceramic 250x400, nền gạch ceramic 300x300, Diện tích 3,09m^2; 01 Cổng rào: Kết cấu: Cột gạch xây chưa tô, cánh cổng sắt, Diện tích: 3.68m^2; 01 Hàng rào 1: Kết cấu: Cột BTCT, lưới B40, Diện tích: 30m^2; 01 Hàng rào 2: Kết cấu: Cột BTCT, tường gạch xây cao 0,8m trên là khung lưới B40, Diện tích 45,08m^2; 01 Chuồng heo: Kết cấu: Không mái, cột BTCT, tường gạch xây tô 50%, nền xi măng, Diện tích 80m^2 và 04 ngôi mộ mã xi măng có ốp gạch men ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của ông M đối với ông B để họ tự giải quyết với nhau.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Năm 2000 ông có quen biết với bà Nguyễn Thị M1. Tại thời điểm quen biết bà M1 đã ly thân chồng cũ là ông Phạm Văn L, bà M1 chung sống với em ruột là ông Nguyễn Văn Út E. Cuối năm 2000 bà M1 theo ông đi mua bán Dưa Hấu ở M và Hà Nội. Từ năm 2001 ông và bà M1 chung sống như vợ chồng. Năm 2002, ông và bà mười mua miếng đất đang bị tranh chấp của ông Út E với giá 30 chỉ vàng, tiền do hai người dành dụm và vay tiền của nhiều người. Tháng 6/2022, ông thuê ông Mười D để làm nhà, vật tư và công thợ hết 25.000.000 đồng. Năm 2007, bà M1 làm thủ tục sang bộ, lúc này Ủy ban nhân dân xã Y1 phải có giấy đăng ký kết hôn nên ông và bà M1 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M do ông Phan Văn K1 là chủ tịch ký chứng nhận. Tháng 4/2007 ông nhận được giấy đất do bà M1 đứng tên vì ông bận đi làm ăn và né tiền thuế đất bằng cách để trong hợp đồng sang nhượng là "em tặng cho chị". Năm 2010, ông bơm cát, xây hàng rào và sửa chữa lại nhà để ở cùng bà M1. Ngày 06/8/2018, bà M1 bệnh chết đột ngột, ông đứng ra làm đám tang, xây mồ mã cho bà M1 còn nợ 50.000.000 đồng. Ngoài ra, khi còn sống ông và bà M1 còn nợ tiền nhiều người, nợ tiền Ngân hàng khoảng 250.000.000 đồng và tiếp

tục sống trong căn nhà cất trên đất. Từ năm 2021, 2022, ông Út E ngang nhiên lấy keo dán sắt đổ vào ổ khóa cửa, Hoài H và T ngang nhiên đập khóa cửa, vào nhà, ông có báo sự việc cho Công an xã lập biên bản sự việc. Đến nay ông còn âm nợ hơn 400.000.000 đồng nên cầm giấy đất cho bà Cao Thiên L1 ở thành phố M, tỉnh Tiền Giang với giá 400.000.000 đồng. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do đất của ông và bà M1 nhận chuyển nhượng của ông Út E. Bà M1 là vợ ông chết nên ông nhận đất theo diện thừa kế của bà M1. Khi nào trả hết nợ ông sẽ cắt chia một phần đất cho H, và G vì ít nhiều cũng có công sức.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn L trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của 02 con là Phạm Hoài H và Phạm Trường G. Yêu cầu ông B giao trả lại cho hàng thừa kế bà M1 thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 835,2 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H" 04177 ngày 24/4/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M1 đã điều chỉnh trang 4 để thừa kế cho ông Nguyễn Văn B theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 06/06/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và toàn bộ tài sản trên đất theo biên bản định giá tài sản ngày 16/3/2022. Hàng thừa kế của bà M1 gồm có ông và 02 con là Phạm Hoài H, Phạm Trường G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn Út E trình bày:

Chị ruột ông tên Nguyễn Thị M1, sinh năm 1964, chết ngày 19/7/2018, anh rễ tên Phạm Văn L, sinh năm 1965. Vợ chồng chị M1, anh L có 02 người con là Phạm Hoài H, sinh năm 1984 và Phạm Trường G, sinh năm 1987**.** Năm 2006 do hoàn cảnh kinh tế khó khăn anh L phải đi làm ăn xa, chị M1 cùng Hoài H, T không có công việc ổn định, không có đất đai canh tác, thấy vậy nên ông có tặng cho thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 835,2m^2, tọa lạc tại Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho chị M1 và 02 cháu của ông là Phạm Hoài H, Phạm Trường G để chị M1 cùng 02 cháu cất nhà ở ổn định và canh tác sinh sống, sau đó chị M1 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 04177, ngày 24/4/2007 cho Nguyễn Thị M1 đại diện hộ đứng tên. Đến năm 2008 chị M1 có quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Văn B, ông B thường xuyên tới lui với chị M1, trong khi ông B đang có vợ con, 02 cháu là Phạm Hoài H, Phạm Trường G nhiều lần can ngăn nhưng chị M1 không nghe. Năm 2018 chị M1 chết đột ngột không để lại di chúc, ông B tự ý lén lút đi lập thủ tục sang tên thửa đất số 56 cho ông B đứng tên, cháu H và G hoàn toàn không hay biết, khi phát hiện có yêu cầu ông B trả lại thửa đất và tài sản trên đất nhưng ông B không đồng ý. Nay ông thống nhất lời trình bày cháu H, G và ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M trình bày:

Ông B có làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 835,2 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H" 04177 ngày 24/4/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M1 thừa kế lại cho ông B tại Văn phòng C, tỉnh Tiền Giang với số tiền 600.000.000 đồng,

ông đã giao đủ tiền, nhưng chưa nhận đất canh tác thì biết được đất đang bị tranh chấp và bị kê biên khẩn cấp tạm thời không cho chuyển nhượng. Nay ông yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký công chứng số 00189, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 13/01/2022. Yêu cầu ông B trả lại số tiền 600.000.000 đồng đã nhận, không yêu cầu trả tiền lãi và không yêu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn Phòng C trình bày:

Bà là công chứng viên phát hành hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký công chứng số 00189, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 13/01/2022 do ông Nguyễn Văn B đến nộp hồ sơ công chứng. Sau khi tiếp nhận, kiểm tra, đối chiếu, thấy hồ sơ đầy đủ, Văn Phòng C, tỉnh Tiền Giang tiến hành thực hiện thủ tục công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông B sang cho anh Lê Văn M theo đúng trình tự, thủ tục công chứng. Do đó hợp đồng chuyển nhượng đất đã ký công chứng số 00189, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 13/01/2022 là đúng quy định pháp luật. Đối với yêu cầu tranh chấp giữa các bên để Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thiên L1 vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã quyết định áp dụng: Khoản 3, 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2, Điều 144, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 123, 127, 131, 609, 610, 612, 613, 614, 623, 649, 651, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự Điều 95, 166 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hoài H và anh Phạm Trường G yêu cầu đòi lại di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần di sản của bà M1.

1. Xác định thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 835,2 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H" 04177 ngày 24/4/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M1 đã điều chỉnh trang 4 để thừa kế cho ông Nguyễn Văn B theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 06/06/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C và toàn bộ tài sản trên đất theo biên bản định giá tài sản ngày 16/3/2022 là di sản của bà Nguyễn Thị M1. Hàng thừa kế của bà M1 gồm có anh Phạm Hoài H, anh Phạm Trường G và ông Phạm Văn L.

2. Hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã ký công chứng số 03956, quyển số 03/2020 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C, tỉnh Tiền Giang chứng thực ngày 01/09/2020 do vô hiệu.

3. Buộc ông Nguyễn Văn B giao trả lại cho hàng thừa kế bà M1 (anh Phạm Hoài H, anh Phạm Trường G và ông Phạm Văn L) thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 835,2m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H" 04177 ngày 24/4/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M1 đã điều chỉnh trang 4 để thừa kế cho ông Nguyễn Văn B theo bản đồ địa chính khu đất trích đo ngày 06/06/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C (có sơ đồ kèm theo). Có tứ cận: - Đông: Giáp đất ông Nguyễn Văn G1; Tây: Giáp đường huyện F; N: Giáp đất ông Huỳnh Văn Y và bà Phan Thị L2; Bắc: Giáp đất ông Nguyễn Văn Út E;

Và toàn bộ tài sản trên đất bao gồm: 01 cây Dừa loại A và 04 cây loại B2; 02 cây Mít loại B2 và 02 cây loại C; 01 cây Bưởi loại D; 03 cây Bình bát loại D; 05 bụi Chuối loại 2; 01 cây Tắc loại B2; 12 cây kiểng có đường kính từ 10cm-20cm; 08 cây có đường kính từ 02cm-5cm; 01 căn Nhà trước: Kết cấu: Mái tôn, cột BTCT, kèo gỗ, một phần có đóng trần, tường gạch xây tô một phần có ốp gạch ceramic 300x450, nền gạch một phần ceramic 600x600, một phần gạch 400x400, không có khu phụ, Diện tích: 29,9m^2; 01 căn Nhà sau: Kết cấu: Mái tôn, kèo gỗ, tường gạch xây không tô, nền gạch ceramic 400x400, không khu phụ, Diện tích: 26,46m^2; 01 Mái che: Kết cấu: Mãi tole, cột thép kèo gỗ và thép, cột BTCT + thép, nền xi măng, Diện tích 87,9m^2; 01 Nhà vệ sinh: Kết cấu: Không mái, tường gạch ceramic 250x400, nền gạch ceramic 300x300, Diện tích 3,09m^2; 01 Cổng rào: Kết cấu: Cột gạch xây chưa tô, cánh cổng sắt, Diện tích: 3.68m^2; 01 Hàng rào 1: Kết cấu: Cột BTCT, lưới B40, Diện tích: 30m^2; 01 Hàng rào 2: Kết cấu: Cột BTCT, tường gạch xây cao 0,8m trên là khung lưới B40, Diện tích 45,08m^2; 01 Chuồng heo: Kết cấu: Không mái, cột BTCT, tường gạch xây tô 50%, nền xi măng, Diện tích 80m^2 và 04 ngôi mộ mã xi măng có ốp gạch men ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Anh Phạm Hoài H, anh Phạm Trường G và ông Phạm Văn L được quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đất đai theo quy định tại Điều 95 Luật đất đai.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Lê Văn M:

1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã ký công chứng số 00189, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn Phòng C, tỉnh Tiền Giang chứng thực ngày 13/01/2022 đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 8, diện tích 835,2 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số "H" 04177 ngày 24/4/2007 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị M1 đã điều chỉnh trang 4 để thừa kế cho ông Nguyễn Văn B do vô hiệu.

2. Buộc ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Văn M số tiền 600.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp lực.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 10/2021/QĐ-BPKCCT ngày 20/7/2021 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 27/2022/QĐ-BPKCCT ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện C cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/02/2023 bị đơn ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của ông Lê Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B xác định phần đất và tài sản tranh chấp là tài sản chung của ông và bà M1 tạo lập, sau khi bà M1 chết ông gánh trả số nợ lớn, ông yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với yêu cầu kháng cáo phần liên quan ông M, ông rút yêu cầu này.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm xác định hôn nhân giữa ông L, bà M1 là hôn nhân thực tế và việc đăng ký kết hôn giữa ông B, bà M1 là trái pháp luật nhưng lại không xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật này mà lại xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà M1 chỉ có ông L, anh H, anh G là chưa đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bổ sung yêu cầu hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã ký công chứng số 03956, quyển số 03/2020 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 01/09/2020. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử cho rằng thuộc phạm vi khởi kiện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu và không thông báo thụ lý, công khai chứng cứ, hòa giải đối với yêu cầu này là vi phạm Điều 5, Điều 70, Điều 72, Điều 186, Điều 188 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phần tài sản tranh chấp: Về nguồn gốc đất, nguyên đơn cho rằng là tài sản của bà M1 được cho tặng, còn bị đơn thì xác định nhận chuyển nhượng với giá 30 chỉ vàng 24kr, có hợp đồng và người làm chứng nhưng cấp sơ thẩm chưa làm rõ vấn đề này, đồng thời trong thời gian ông B, bà M1 chung sống phát sinh 01 số nợ, cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B.

Do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện đòi di sản của bà M1 chết để lại, người có có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khởi kiện tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Đòi di dản thừa kế và Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* là phù hợp với quy định tại khoản 3, 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện ông L và bà M1 cưới và chung sống với nhau từ khoảng năm 1983, không đăng ký kết hôn, có 02 người con là Phạm Hoài H, sinh năm 1984 và Phạm Trường G sinh năm 1987, đến khoảng năm 2006 thì cả hai tự ly thân, phía bà M1 sống chung như vợ chồng với ông B, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C vào ngày 06/3/2007. Cấp sơ thẩm xác định hôn nhân giữa ông L, bà M1 là hôn nhân thực tế theo quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp là phù hợp, tuy nhiên việc đăng ký kết hôn giữa ông B, bà M1 vẫn còn tồn tại, chưa được xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật này mà lại xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà M1 chỉ có ông L, H, G là chưa đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bổ sung yêu cầu hủy Văn bản khai nhận di sản thừa kế đã ký công chứng số 03956, quyển số 03/2020 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C, tỉnh Tiền Giang chứng nhận ngày 01/09/2020. Cấp sơ thẩm cho rằng thuộc phạm vi khởi kiện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu là chưa phù hợp với quy định tại Điều 188, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bỡi lẽ, yêu cầu này liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của ông B, Văn phòng C nhưng lại không thông báo, công khai chứng cứ, hòa giải đối với yêu cầu này là vi phạm các Điều 5, Điều 70, Điều 72 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về phần tài sản, đất tranh chấp: Tuy các bên đương sự khai không thống nhất về nguồn gốc đất, nguyên đơn cho rằng là tài sản của bà M1 được cho tặng, phía bị đơn thì xác định nhận chuyển nhượng từ ông Út E với giá 30 chỉ vàng 24kr, có làm giấy tay và có 02 người làm chứng. Thực tế từ khoảng năm 2006 ông B và bà M1 đã sống chung trên phần đất này, có bồi thổ, xây dựng nhà, trồng cây ăn trái, cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ, trưng cầu giám định có hay không việc chuyển nhượng đất, để xem xét công sức của ông B trong khối tài sản này và quyền lợi người quản lý di sản từ năm 2018 đến nay mà tuyên giao toàn bộ đất, nhà, cây trồng trên đất cho ông L, H, G là chưa phù hợp với quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông B.

Mặt khác, trong thời gian sống chung, ông B, bà M1 vay nợ ở Ngân hàng N – Chi nhánh thị xã C, Chi nhánh Ngân hàng C1 – Phòng giao dịch huyện C và nợ tiền thức ăn chăn nuôi, hụi của một số người bên ngoài cũng chưa được làm rõ để xem xét khấu trừ khi giải quyết tranh chấp phần di sản của bà M1.

[3] Do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm thủ tục tố tụng, những vi phạm này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm anh Nguyễn Văn M2 có đơn khiếu nại yêu cầu hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 27/2022/QĐ-BPKCCT ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tuy nhiên anh không cung cấp các tài liệu chứng minh (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xác nhận hộ khẩu) nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét, như đã phân tích trên, cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, vi phạm thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được phải hủy án sơ thẩm nên yêu cầu này sẽ được xem xét khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Do hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xét đến nội dung kháng cáo của ông B.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do hủy án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2023/DS-ST ngày 14 tháng 02 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chuyển sồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Phòng KTNV&THA TAT;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thái Dũng